

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/DS-PT

Ngày: 19 - 3 - 2020

*V/v “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất và vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr.

Các thẩm phán: Ông Văn Công Dân.

Ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa:
Ông Ngụ Văn Minh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 60/2020/TLPT-DS ngày 12/2/2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2019/DS-ST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2020/QĐ-PT ngày 02/3/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Y D Niê – Có mặt;

Trú tại: Buôn K, xã C, huyện C, tỉnh Đăk Lăk

2. Bị đơn:

- Ông Rô Gia B, bà H J Êban và bà H Á N Êban - Vắng mặt;

Trú tại: Buôn K, xã C, huyện C, tỉnh Đăk Lăk

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn là ông Phạm Hoài Q, sinh năm 1983; Địa chỉ số 79 đường J, phường Tân Lập, thành phố M, tỉnh Đăk Lăk
- Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà H Ñ Mlô (AMĩ P Ớn là vợ ông Y D Niê) – Có mặt;

Trú tại: Buôn K, xã C, huyện C, tỉnh Đăk Lăk

- Ông Y R Niê (AMa G là chồng bà H Á N Êban) – Vắng mặt;

Trú tại: Buôn K, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

4. Người làm chứng: Anh Y L Niê (AMa P) – Vắng mặt;

Trú tại: Buôn K B, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

5. Người kháng cáo: Bị đơn ông Rô Gia B, bà H' J Êban, bà H' Á N Êban và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y R Niê.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn:** Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án ông Y D Niê trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào năm 2017 tôi có cho vợ chồng chị H Á N Êban và anh Y R Niê vay số tiền là 380.000.000đ để làm ăn và hẹn sau 10 ngày sẽ hoàn trả. Sau khi đến hạn trả, do không có khả năng trả nợ nên bố mẹ chị H' Á N là ông Rô Gia B và bà H' J Êban đã cùng với chị H' Á N thống nhất chuyển nhượng cho tôi thửa đất số 165, tờ bản đồ số 10, diện tích 3.330 m², đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại xã C, huyện C với giá chuyển nhượng là 200.000.000đ để khấu trừ vào khoản tiền mà chị H' Á N đã vay của tôi. Tại thời điểm này thửa đất trên đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 631341, ngày 03/8/2017 đứng tên ông Rô Gia B và bà H' J. Hai bên đã ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bên chuyển nhượng là ông Rô Gia B, bà H' J và bên nhận chuyển nhượng là anh Y D, chị H Ñ. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng ông Rô Gia B, bà H' J đã bàn giao toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền trên đất nói trên cho tôi canh tác, quản lý, sử dụng, đồng thời giao cả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tôi quản lý. Đến ngày 25/09/2017, tôi đã đến UBND xã C để ký chứng thực hợp đồng nhưng đến nay hồ sơ chưa hoàn thành về thủ tục.

Đối với số tiền còn lại 180.000.000đ, chị H' Á N viết giấy cam kết trả dần nhưng sau đó không thực hiện như thỏa thuận. Nay tôi đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất trên giữa vợ chồng tôi với ông Rô Gia B, bà H J. Về số tiền nợ 180.000.000đ, tôi yêu cầu chị H' Á N và chồng chị là anh Y R phải trả hết số tiền còn lại cho tôi, không yêu cầu trả lãi suất.

*** Bị đơn:**

- Ông Rô Gia B và bà H J Êban trình bày:

Ông Rô Gia B và bà H J là bố mẹ của chị H Á N Êban. Trước đây H Á N vay tiền của Y D Niê thế nào thì ông bà không biết, sau này khi H Á N không trả được nợ cho Y D Niê thì lúc đó ông bà mới biết. Do chị H Á N không trả được nợ nên ông bà đã đồng ý chuyển nhượng cho Y D 3.330 m² đất thuộc thửa đất số 165, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã C để trừ khoản tiền nợ 200.000.000đ cho H Á N. Ông Rô Gia B và bà H' J đã ký vào hợp đồng chuyển nhượng. Sau khi ký hợp đồng ông Rô Gia B và bà H' J đã giao giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất và đất rẫy cho anh Y D Niê quản lý, sử dụng từ năm 2017 đến nay. Số tiền 180.000.000đ H Á N còn nợ lại của Y D Niê, Y D hứa cho H' Á N trả dần. Vừa qua ông Rô Gia B và bà H J có trả cho Y D 20.000.000đ, nhưng Y D không nhận. Nay Y D lại khởi kiện ra Tòa án thì ông Rô Gia B và bà H J không đồng ý chuyển nhượng đất rẫy cho Y D Niê nữa. Khoản nợ H Á N nợ của Y D Niê thì chị H Á N có nghĩa vụ trả cho Y D và không liên quan đến ông bà.

- *Chị H Á N Êban trình bày:* Ý kiến trình bày của anh Y D Niê và bố mẹ là ông Rô Gia B và bà H J là đúng. Đúng là tôi có vay của anh Y D Niê số tiền 380.000.000 đồng, do không trả được nợ nên tôi và bố mẹ tôi là ông Rô Gia B và bà H J đồng ý để bố mẹ chuyển nhượng cho anh Y D Niê diện tích 3.330 m² đất, thửa đất số 165, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã C để cán trừ vào số nợ 200.000.000đ, số tiền còn lại 180.000.000đ tôi xin trả dần cho anh Y D. Nay Y D đã khởi kiện đến Tòa án thì toàn bộ số tiền 380.000.000đ tôi sẽ có nghĩa vụ trả nợ cho anh Y D Niê và không liên quan đến bố mẹ tôi và chồng tôi là anh Y R Niê.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- *Chị H Ñ Mlô trình bày:* Tôi là vợ của anh Y D Niê, tôi hoàn toàn đồng ý với nội dung đơn khởi kiện và ý kiến trình bày của anh Y D Niê.

- *Anh Y R Niê trình bày:* Tôi là chồng của chị H Á Nga nhưng tôi không biết việc vợ tôi vay tiền của vợ chồng anh Y D Niê như thế nào, vay bao nhiêu và dùng vào việc gì, vợ tôi vay thì vợ tôi có nghĩa vụ trả nợ cho anh Y D Niê, chứ tôi không chịu trách nhiệm với khoản vay nói trên.

*** Người làm chứng ông Y L Niê trình bày:** Tôi có quan hệ là hàng xóm của gia đình anh Y Doanh và gia đình ông Y Rô Gia B. Vào ngày 13/5/2017, thời điểm đó tôi đang là Buôn phó Buôn K B. Tại nhà H Á Nga tôi có ký và làm chứng vào biên bản thỏa thuận, về việc vợ chồng ông Rô Gia B ký hợp đồng bán đất cho vợ chồng anh Y D, thửa đất có diện tích 3,3 sào, tọa lạc tại Buôn K B, xã C, huyện C để trừ vào số nợ 200.000.000 đồng mà chị H Á N đã vay, hai bên thỏa thuận anh Y D phải chịu tiền làm bìa đỏ là 15.000.000 đồng. Số tiền 180.000.000 đồng còn lại chị H Á N có trách nhiệm trả dần cho anh Y D. Tại bản thỏa thuận nói trên có chữ ký của ông Rô Gia B, chị H Á N và vợ chồng anh Y D. Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm.

Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2019/DS-ST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147 ; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Luật đất đai năm 2013.

- Áp dụng khoản 2 Điều 129; Điều 500, Điều 501 và Điều 502 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 27 luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng điểm b.2, b.3 tiểu mục 2.3 mục 2 Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP, ngày 10 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Y D Niê.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ngày 13/5/2017 giữa ông Rô Gia B, bà H J Ê ban với anh Y D Niê, chị H' Nĩ Mlô.

Buộc ông Rô Gia B, bà H J Êban có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho cho vợ chồng anh Y D Niê đối với thửa đất có diện tích 3.330m², thửa đất số 165, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **CI 631341**, ngày 03/8/2017 đứng tên ông Rô Gia B, bà H J Êban.

Anh Y D Niê, chị H' Nĩ Mlô và ông Rô Gia B, bà H J Êban có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục sang nhượng theo quy định của pháp luật. Mọi chi phí liên quan đến việc sang tên giấy chứng nhận QSD đất vợ chồng anh Y D Niê và chị Nĩ Mlô phải chịu trách nhiệm.

**** Tài sản trên đất gồm có:***

- Tiêu: có 15 cây; trong đó có 06 cây kinh doanh (03 loại B, 03 loại C) và 09 cây trồng năm 2018 (02 loại A, 02 loại B).

- Muồng trồng năm 2016: 15 cây có dây tiêu và 249 cây không có dây tiêu.

- Cây điều: có 20 cây; trong đó có 16 cây kinh doanh (06 cây loại B, 10 cây loại C) và 04 cây trồng năm 2018.

- Cây cà phê: Có 391 cây; trong đó có 300 cây trồng năm 2015 (150 loại A và 150 loại B) và 91 cây kinh doanh (40 loại B và 51 cây loại C)

- Cây mít: 01 cây loại B; Cây bơ: 03 cây loại C.

Buộc chị H Á N Êban và anh Y R Niê phải trả cho anh Y D Niê và chị H Nĩ Mlô số tiền còn nợ là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng)

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án, khi đương sự có đơn yêu cầu.

**** Về án phí và chi phí tố tụng khác:***

- Về án phí DSST: Trả lại cho anh Y D Niê tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.800.000 đồng, theo biên lai số AA/2017/0013935, ngày 23/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bị đơn ông Rô Gia B, bà H J Êban phải chịu 300.000 đồng án phí DSST
Chị H Á N Êban và anh Y R Niê phải chịu 9.000.000 đồng án phí DSST.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Ông Rô Gia B và bà H J Êban phải chịu 5.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

Anh Y D Niê được nhận lại 5.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã nộp, sau khi thu được khoản tiền trên từ ông Rô Gia B, bà H J Êban.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn Ông Rô Gia B, bà H' J Êban, bà H' Á N Êban kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm như ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Y R Niê kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ với vợ là bà H' Á N Êban.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, tại biên bản làm việc ngày 02/3/2020 thì nguyên đơn ông Y D Niê và bị đơn ông Rô Gia B, bà H' J Êban, bà H' Á N Êban đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án cũng như các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 300; khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2019/DS-ST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar theo hướng chấp nhận sự thoả thuận của các đương sự theo biên bản thoả thuận ngày 02/3/2020 và sự thoả thuận tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn và nội dung kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, thì thấy:

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm vào ngày 02/3/2020 và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các đương sự đã tự nguyện thoả thuận được với nhau về nội dung giải quyết vụ án, cụ thể như sau: ông Y D Niê, bà H Ñ Mlô và bà H' Á N Êban, ông Rô Gia B, bà H J Êban thống nhất giá trị đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 10, diện tích 3.330m² tọa lạc tại xã C,

huyện C, tỉnh Đắk Lắk mà ông Rô Gia B, bà H J Êban đã chuyển nhượng cho ông Y D Niê, bà H Ñ Mlô theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ghi ngày 25/9/2017 có giá trị là 300.000.000 đồng và được khấu trừ khoản nợ cho bà H'Á N Êban trong khoản nợ 380.000.000 đồng. Sau khi khấu trừ giá trị thửa đất nêu trên thì bà H'Á N còn nợ ông Y D Niê là 80.000.000 đồng và ông Y D đồng ý cho chị H' Á N trả nợ dần số tiền còn nợ trong thời gian 03 năm và không yêu cầu trả lãi suất, cụ thể từng lần như sau:

- Lần 1 chậm nhất vào ngày 30/6/2020 số tiền 30.000.000 đồng.
- Lần 2 chậm nhất vào ngày 30/6/2021 số tiền 25.000.000 đồng.
- Lần 3 chậm nhất vào ngày 30/6/2022 số tiền 25.000.000 đồng.

Đồng thời các đương sự đề nghị Toà án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 10, diện tích 3.330m² tọa lạc tại xã C ngày 13/5/2017 giữa ông Rô Gia B, bà H J Êban đã chuyển nhượng cho ông Y D, bà H Ñ. Các bên chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng cùng nhau thực hiện hợp đồng và hoàn tất thủ tục đăng ký sang tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên vợ chồng ông Rô Gia B, bà H J Êban sang tên vợ chồng ông Y D Niê, bà H Ñ Mlô theo quy định của pháp luật, về lệ phí làm thủ tục chuyển nhượng do vợ chồng ông Y D, bà H Ñ tự nguyện chịu; Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, vợ chồng ông Y D, bà H Ñ tự chịu nguyện chịu 5.000.000 đồng, đã nộp, chi phí xong và không yêu cầu ông Rô Gia B, bà H J Êban, bà H Á N thanh toán lại; Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm các đương sự đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy sự thoả thuận các đương sự như đã nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, hợp lý, hợp tình, phù hợp với ý chí của các bên, không trái với đạo đức và quy tắc của xã hội, đồng thời không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người khác và phù hợp với nội dung kháng cáo của ông Y R Niê nên cần chấp nhận.

Do đó, có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là sửa Bản án dân sự sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do đơn khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Bị đơn chị H' Á N Êban chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật là 4.000.000 đồng (80.000.000 x 5% = 4.000.000 đồng);

Ông Rô Gia B và bà H' J Êban phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá: Vợ chồng ông Y D, bà H Ñ tự nguyện chịu toàn bộ 5000.000 đồng, đã nộp và chi phí xong.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 300; khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà H' Á N Êban, ông Rô Gia B, bà H' J Êban và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Y R Niê;

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2019/DS-ST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Y D Niê.

[1]. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ghi ngày 25/9/2017 giữa ông Rô Gia B, bà H J Êban với ông Y D Niê, và bà H' Ñ Mlô và công nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk diện tích 3.330m² do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 631341, ngày 03/8/2017 đứng tên ông Rô Gia B, bà H J Êban và tài sản trên đất gồm có 15 cây hồ tiêu, có 15 cây muồng là trụ dây tiêu, có 249 cây muồng không có dây tiêu; có 20 điều cây, có 391 cây cà phê, có 01 cây mít và 03 cây bơ là thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Y D Niê, và bà H' Ñ Mlô.

2.2. Ông Rô Gia B, bà H J Êban và ông Y D Niê, bà H Ñ Mlô có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện hoàn thiện các thủ tục sang nhượng liên quan đến quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

2.3. Về lệ phí sang tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, ông Y D Niê và bà Ñ Mlô tự nguyện chịu lệ phí.

2.4. Về nghĩa vụ trả nợ:

Buộc bà H Á N Êban có nghĩa vụ phải trả cho ông Y D Niê và bà H Ñ Mlô số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), thời hạn trả cụ thể như sau:

- Lần 1: Bà bà H Á N Êban trả chậm nhất cho ông Y D Niê và bà H Ñ Mlô vào ngày 30/6/2020 với số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);

- Lần 2: Bà H Á N Êban trả chậm nhất cho ông Y D Niê và bà H Ñ Mlô vào ngày 30/6/2021 với số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng);

- Lần 3: Bà H Á N Êban trả chậm nhất cho ông Y D Niê và bà H Ñ Mlô vào ngày 30/6/2022 với số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng);
Về lãi suất ông Y D Niê và bà H Ñ Mlô không yêu cầu.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả lại cho ông Y D Niê số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.800.000 đồng (Bốn triệu tám trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2017/0013935, ngày 23/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;

- Bị đơn ông Rô Gia B, bà H J Êban phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

- Bà H Á N Êban phải chịu 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Hoàn trả lại cho ông Y R Niê số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu số AA/2019/0004231 ngày 16/12/2019 (Do chị H Á N Êban nộp thay).

- Hoàn trả lại cho ông Rô Gia B số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu số AA/2019/0004229 ngày 16/12/2019 (Do chị H Á N Êban nộp thay);

- Hoàn trả lại cho bà H J Êban số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu số AA/2019/0004230 ngày 16/12/2019 (Do chị H Á N Êban nộp thay);

- Hoàn trả lại cho bà H Á N Êban số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu số AA/2019/0004228 ngày 16/12/2019.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá:

Ông Y D Niê và H Ñ Mlô tự nguyện chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và đã nộp xong.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
-;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr